CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát:

- Tên công ty: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ
- Tên giao dịch: Century Corp
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302018927
- Vốn điều lệ: 315.425.840.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2013: 503.063.414.380 đồng
- Địa chỉ: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP.HCM
- Số điện thoại: (+84.8) 3790 7565
- Số fax: (+84.8) 3790 7566
- Website: www.theky.vn
- Mã cổ phiếu:

2. Quá trình hình thành và phát triển

2000: Thành lập ngày 01/06/2000

- Sợi Thế Kỷ tiền thân là Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Thương mại Thế Kỷ, được thành lập ngày 01/06/2000 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4101001242, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 01/06/2000, chuyên sản xuất sợi DTY (Draw Textured Yarn) từ nguyên liệu sợi POY (Partially Oriented Yarn) nhập khẩu.
- Trụ sở và nhà máy của Sợi Thế Kỷ đặt trong khuôn viên có diện tích 16.800m^2 tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Chủ Chi, TP.HCM.
- Nhà máy được trang bị các dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập khẩu từ Tập đoàn Oerlikon Barmag chuyên sản xuất sợi tổng hợp polyester với đầy đủ các quy cách chủng loại. Tổng công suất thiết kế cho nhà máy sản xuất sợi DTY (Draw Textured Yarn) đạt 4.800 tấn/năm.

2003: Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất

- Năm 2003, tận dụng cơ hội phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp dệt may, Sợi Thế Kỷ đã đầu tư mở rộng công suất sản xuất DTY lên gấp đôi, tương đương 9.600 tấn/năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

2005: Chuyển đổi thành công ty cổ phần

- Ngày 11/04/2005, Sợi Thế Kỷ được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003288, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp. Sự thay đổi này nằm trong chiến lược huy động vốn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của Sợi Thế Kỷ.

2007: Mở rộng đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, nhận chứng chỉ ISO 9001:2000

- Sợi Thế Kỷ nhận chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000 được cấp bởi tổ chức AFNOR (the Association Francaise de Normalisation), một chi nhánh của hệ thống tiêu chuẩn hoá Châu Âu (CEN) và là thành viên của Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế (ISO). Hiện tại, Công ty

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

đã được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008. Các quy trình quản lý sản xuất luôn tuân thủ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn hệ thống ISO 9001:2008, KAIZEN, 5S do các chuyên gia Nhật Bản tư vấn và triển khai.

- Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng, trang bị thêm nhiều máy móc hiện đại để sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm cao cấp và tăng 1,5 lần về sản lượng so với năm 2006. Đầu tư thêm nhà máy sản xuất nguyên liệu đầu vào (POY) với công suất 12.000 tấn/năm và mở rộng thị trường xuất khẩu để đưa các sản phẩm mang thương hiệu Sợi Thế Kỷ khẳng định vị trí trên trường quốc tế.

2008: Trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất polyester filament từ polyester chips

- Sợi Thế Kỷ đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất sợi POY (nguyên liệu đầu vào sản xuất sợi DTY) để góp phần gia tăng lợi nhuận. Việc đầu tư sản xuất sợi POY còn hướng đến mục tiêu giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu POY nhập khẩu, đặc biệt là sự biến động giá cả và nguồn cung sợi POY. Đầu tư phát triển dây chuyền sản xuất sợi POY là một bước ngoặc trong quá trình phát triển và mở ra cơ hội mới cho Sợi Thế Kỷ vì với sự kiện này, Sợi Thế Kỷ chính thức trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất sợi Polyester filament từ polyester chips.

2009: Đầu tư xây dựng nhà máy thứ hai tại Chi nhánh Trảng Bàng, Tây Ninh

- Thành lập "Chi nhánh Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ" tại địa chỉ: Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh với giấy chứng nhận đầu tư số 45211000130 ngày 26/06/2009 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tây Ninh cấp.
- Ngày 28/11/2009, Công ty tổ chức Lễ khởi công xây dựng nhà máy sản xuất sợi POY/DTY tại Khu công nghiệp Trảng Bàng.

2011: Trở thành Công ty đại chúng

- Ngày 21/02/2011, Sợi Thế Kỷ đã chính thức trở thành công ty đại chúng. Việc trở thành công ty đại chúng thể hiện cam kết của Công ty luôn đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông và khách hàng. Công ty luôn nâng cao năng lực quản trị, minh bạch trong quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

2011 - 2013: Đưa vào hoạt động nhà máy sợi tại Chi nhánh Trảng Bàng

- Nhà máy được khánh thành để đưa vào khai thác thương mại từ tháng 01/2011.
- Ngoài POY và DTY, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới FDY để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường.
- Với dự án này đã nâng tổng công suất toàn công ty lên 37.000 tấn DTY,FDY/ năm.
- Để đáp ứng cho chiến lược phát triển dài hạn của công ty, từ đầu năm 2012, công ty đã chính thức áp dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp hiện đại bậc nhất hiện nay là ERP (SAP All in One) và hiện tại tất cả các tác nghiệp đã được vận hành trên hệ thống SAP.

2014 - 2015: Kế hoạch đầu tư nhà máy mở rộng tại Trảng Bàng-Giai đoạn 3

- Công ty đã lập kế hoạch triển khai dự án đầu tư nhà máy mở rộng tại Chi nhánh Trảng Bàng – Giai đoạn 3 với tổng vốn đầu tư khoảng 33,9 triệu US$.
- Dự kiến khi hoàn tất, nhà máy sẽ cung cấp thêm khoảng 15.175 tấn sợi POY và 15.075 tấn sợi DTY /năm, góp phần nâng tổng công suất toàn công ty lên hơn 52.000 tấn DTY, FDY/ năm.

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất sợi tơ tổng hợp, dệt kim.
- Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở chính đặt tại huyện Củ Chi, TP.HCM.
- Chi nhánh đặt tại KCN Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh:

Hiện tại công ty chỉ mới thành lập một chi nhánh. Công ty chưa thành lập công ty con, công ty liên kết.

5. Định hướng phát triển trung và dài hạn:

- Đầu tư nhà máy mở rộng tại Trảng Bàng – Giai đoạn 3:

- Tình hình kinh tế vĩ mô vẫn rất thuận lợi cho các công ty sợi như Sợi Thế Kỷ. Bên cạnh đó, Hiệp định TPP cũng mang đến rất nhiều triển vọng và tác động tích cực cho công ty với điều kiện công ty phải có hệ thống quản trị tốt, phải tăng cường chất lượng sản phẩm và tiết giảm chi phí. Khi hiệp định TPP được thông qua, ngành may mặc Việt Nam sẽ được hưởng lợi khi bán sang thị trường Mỹ, Canada cũng như các nước thành viên trong hiệp định TPP từ việc giảm thuế suất nhập khẩu vào các thị trường này từ mức bình quân 17,5% xuống zero (đặc biệt trong đó có một số mặt hàng may mặc sản xuất từ sợi DTY và FDY có mức thuế suất nhập khẩu hiện hành là trên 30%). Tuy nhiên để được hưởng mức thuế suất ưu đãi trong khung khổ hiệp định TPP thì các sản phẩm may mặc phải sử dụng nguyên liệu sợi dệt được sản xuất trong các nước thành viên TPP. Từ đó nhu cầu về sợi trong nước sẽ tăng rất nhiều. Dự kiến hiệp định TPP có thể sẽ được thông qua trong năm 2014 và có hiệu lực trong năm 2015. Tuy nhiên hiệu ứng của nó sẽ phát huy sau 1-2 năm do sau khi các đơn hàng may mặc lớn chuyển dần sang Việt Nam làm thì ngành dệt nhuộm phải mở rộng thêm công suất thông qua đầu tư mới hoặc di dời nhà máy sang Việt Nam trong khi đó các doanh nghiệp dệt may hiện hữu cũng sẽ mở rộng công suất đáng kể để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Quy mô của Sợi Thế Kỷ vẫn còn rất nhỏ so với nhu cầu của thị trường.
- Để nắm bắt cơ hội do Hiệp định TPP mang lại đồng thời để tối ưu hóa quy mô sản xuất của công ty, HĐQT đã thống nhất kế hoạch triển khai dự án đầu tư nhà máy mở rộng tại Chi nhánh Trảng Bàng - Giai đoạn 3 với:
  - ❖ Tổng vốn đầu tư dự kiến của nhà máy khoảng 33,9 triệu USD.
  - ❖ Công ty sẽ đầu tư toàn bộ máy kéo sợi DTY tự động có công nghệ hiện đại nhất hiện nay do tập đoàn hàng đầu châu Âu Oerlikon Barmag sản xuất. Với công nghệ này sẽ giúp công ty nâng cao chất lượng sản phẩm hơn nữa do máy xuống dàn tự động sẽ giúp chiều dài cối sợi đồng đều hơn và tránh thao tác con người đụng vào làm dơ cối sợi trong quá trình thao tác thủ công. Đây là điểm quan trọng nhằm hướng đến nâng cao sự hài lòng của các khách hàng có yêu cầu cao. Ngoài ra do được tự động hóa, nên nhân lực sẽ giảm đáng kể đặc biệt là ca đêm, từ đó tiết giảm chi phí và tăng cường năng suất sản xuất.
  - ❖ Nhà máy có công suất sản xuất khoảng 15.175 tấn sợi POY/năm và 15.075 tấn sợi DTY /năm.

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

- ❖ Về tiến độ dự án, dự kiến 50% công suất sẽ chính thức đi vào hoạt động từ quý 3 năm 2015; 50% công suất còn lại sẽ đi vào hoạt động từ quý 1 năm 2016.

- Chiến lược phát triển sang lĩnh vực upstream và downstream:

- Công ty sẽ mở rộng phát triển theo chuỗi cung ứng (supply chain) sau khi công ty đạt quy mô sản xuất trên 50.000 tấn sợi/ năm.
- Đối với khu vực upstream: công ty sẽ dẫn dắt các đối tác quốc tế có tiềm lực về tài chính và công nghệ vào Việt Nam để lập nhà máy polymer. Sợi Thế Kỷ sẽ hợp tác đầu tư chung nhưng không nắm quyền kiểm soát. Mục tiêu của công ty khi mở rộng hợp tác đầu tư vào lĩnh vực này để:
  - ❖ Đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào (hạt polyester chips) ổn định về chất lượng và số lượng cho công ty.
  - ❖ CSF và đối tác cùng nghiên cứu và đẩy mạnh hoạt động R&D để sáng chế ra nguyên liệu và công nghệ mới nhằm mục đích ứng dụng trong việc phát triển sản phẩm mới cho các doanh nghiệp downstream của công ty (sợi, dệt, nhuộm) để đáp ứng tốt nhất nhu cầu, thị hiếu của khách hàng.
- Đối với khu vực downstream (dệt, nhuộm): Sợi Thế Kỷ sẽ tìm kiếm những công ty dệt, nhuộm có tiềm năng và phù hợp với chiến lược phát triển của công ty để đầu tư cổ phần chi phối (shareholding). Mục tiêu của công ty là để:
  - ❖ Tăng cường hiệu quả và giá trị gia tăng cho công ty thông qua phát triển chuỗi cung ứng khép kín.
  - ❖ Thông qua các công ty downstream, CSF có thể tiếp cận trực tiếp và kịp thời nắm bắt nhu cầu, xu hướng của khách hàng. Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng sẽ giúp cung cấp thông tin ngược lại cho các công ty upstream để có chiến lược phát triển sản phẩm và công nghệ mới phù hợp hơn cho ngành downstream; bản thân CSF cũng sẽ có chiến lược để sản xuất các loại sợi phù hợp, đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, từ đó góp phần gia tăng lợi nhuận và sức cạnh tranh cho công ty.

PHẦN 2: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2013 so với kế hoạch:

- Doanh thu thực hiện trong năm 2013 là 1.453 tỷ đồng đạt 91% so với kế hoạch và tăng 32% so với cùng kỳ năm 2012.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2013 là 95,2 tỷ đồng đạt 76% so với kế hoạch và giảm 02% so với cùng kỳ năm 2012.

Trong 06 tháng đầu năm 2013, thị trường sợi toàn cầu vẫn còn sụt giảm kéo theo giá bán sợi giảm đã tác động không tốt khiến price gap và doanh số bán của công ty thực hiện thấp hơn kỳ vọng. Ngoài ra, trong năm công ty còn đưa vào sản xuất sản phẩm mới FDY (Fully Drawn Yarn) nên cũng mất một khoảng thời gian để nắm bắt công nghệ, ổn định chất lượng sản xuất và tìm hiểu nhu cầu của khách hàng để đáp ứng tốt hơn.

Trong 06 tháng cuối năm, với sự chỉ đạo của HĐQT, Ban TGĐ đã kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh cho phù hợp với tình hình thị trường. Công ty tập trung tăng cường hiệu quả sản xuất, tìm cách tiết giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm, từ đó có thể giảm giá bán cho

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

khách hàng để thúc đẩy tăng doanh số bán trên cơ sở vẫn đảm bảo lợi nhuận cho công ty. Và kết quả 6 tháng cuối năm đạt được rất khả quan đúng theo kế hoạch.

Một số điểm nổi bật khác trong hoạt động năm 2013:

- Về hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP (SAP All In One): trong năm 2013 công ty đã triển khai thành công và đưa vào vận hành module cuối cùng của hệ thống là module nhân sự (HR). Hiện tại, toàn bộ các hoạt động trong công ty đã được vận hành trên hệ thống SAP bao gồm hoạt động Mua hàng, Quản lý kho, Sản xuất & Bảo trì máy móc, Tài chính & Kế toán, Bán hàng, Quản lý Chất lượng, Quản lý Nhân sự.
- Hoạt động 5S:

  Trong năm 2013, công ty tiếp tục duy trì tổ chức các hoạt động 5S tập trung quản lý hiện trường và kaizen cải tiến mục tiêu sản xuất thông qua sự tư vấn của các chuyên gia Nhật. Kết quả hoạt động đã mang lại những chuyển biến tích cực trong hiệu quả sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và trình độ quản lý cho nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2014:

Công ty dự báo tình hình thị trường năm 2014 kỳ vọng sẽ không khác nhiều so với 06 tháng cuối năm 2013. Sợi Thế Kỷ có đội ngũ quản lý lâu năm nhiều kinh nghiệm, máy móc công nghệ hiện đại và tình hình quản trị công ty rất hiệu quả. Ngoài ra, công ty còn có lợi thế đã tạo dựng được uy tín thương hiệu trên thị trường và có một mạng lưới rộng lớn khách hàng cao cấp có nhu cầu sử dụng sợi DTY, FDY chất lượng cao và ổn định của công ty. HĐQT công ty có niềm tin đặt ra mục tiêu kinh doanh năm 2014 như sau:

- Doanh thu thực hiện: 1.579 tỷ đồng tăng 9% so với kết quả thực hiện năm 2013.
- Lợi nhuận trước thuế: 119 tỷ đồng tăng 25% so với kết quả thực hiện năm 2013.

Về mặt tăng trưởng doanh thu, do trong năm 2013-2014 máy móc thiết bị của Công ty đã được khai thác tối đa nên không còn dư địa để tăng sản lượng và doanh thu. Tuy nhiên, khi Dự án nhà máy mở rộng tại Chi nhánh Trảng Bàng – giai đoạn 3 chính thức đi vào khai thác thương mại từ giữa năm 2015 và đầu năm 2016, khi đó doanh thu công ty sẽ tăng trưởng đột biến kéo theo lợi nhuận sẽ gia tăng.

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh đề ra, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác khai thác thị trường, nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc của nguồn nhân lực, công tác tiết giảm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản xuất, tăng cường chất lượng sản phẩm.

Kế hoạch chia cổ tức năm 2014: dự kiến mức chi trả 15%/ vốn điều lệ.

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

Căn cứ trên báo cáo tài chính năm 2013 được Công ty TNHH Ernst & Young kiểm toán, Ban Giám đốc công ty báo cáo các điểm nổi bật về tình hình tài chính trong năm 2013 như sau:

Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.016.578.274.206	1.025.471.142.735	+1%
Doanh thu thuần	1.099.210.176.248	1.453.047.371.947	+32%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	97.206.322.502	95.425.761.672	-2%

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

Lợi nhuận khác	(445.639.755)	(185.143.031)	+58%
Lợi nhuận trước thuế	96.760.682.747	95.240.618.641	-2%
Lợi nhuận sau thuế	84.201.698.418	74.400.437.644	-12%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	- Đã trả cổ tức bằng tiền: tỷ lệ 15%/ mệnh giá vào tháng 05/2013.	- Dự kiến trả cổ tức bằng cổ phiếu: tỷ lệ 15%/ vốn điều lệ, sẽ thực hiện trong năm 2014. - Tháng 06/2013, công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15%/ vốn điều lệ.	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

a. Khả năng thanh toán:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: đạt 1.32 lần cao hơn so với mức 1.17 lần cùng kỳ năm 2012.
- Hệ số thanh toán nhanh: 0.58 lần cao hơn so với mức 0.41 lần cùng kỳ năm 2012.

b. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

- Nợ phải trả/ tổng tài sản: đạt tỷ lệ 51% giảm so với mức 54% cùng kỳ năm 2012.
- Vốn chủ sở hữu/ tổng tài sản: đạt tỷ lệ 49% tăng so với mức 46% cùng kỳ năm 2012.
- Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu: đạt tỷ lệ 104% thấp hơn so với mức 117% cùng kỳ năm 2012.

c. Khả năng sinh lời:

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn cổ phần (ROE) đạt 24% so với mức 31% cùng kỳ 2012.

d. Các hệ số chính trong kinh doanh:

- Hệ số doanh thu thuần/ Tổng tài sản đạt 142% tăng so với mức 108% cùng kỳ năm 2012.
- Hệ số lợi nhuận trước thuế/ doanh thu đạt 7% giảm so mức 9% cùng kỳ năm 2012.
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu đạt 5% giảm so với mức 8% cùng kỳ năm 2012.
- Hệ số lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản đạt 9% giảm nhẹ so với mức 10% cùng kỳ năm 2012.
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản 7% giảm so với mức 8% cùng kỳ năm 2012.
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần đạt 7% giảm so mức 9% cùng kỳ năm 2012.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1 Thực hiện kinh doanh trong năm 2013 so với kế hoạch:

Đơn vị tính: VND

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1. Doanh số DTY, FDY tiêu thụ (kg)	34.250.642	31.524.664	(2.725.978)	92%
2. Doanh thu bán hàng	1.591.572.000.000	1.453.047.371.947	(138,524,628,053)	91%
3. Lợi nhuận trước thuế	124,558,000,000	95,240,618,641	(29,626,635,620)	76%

2.2 Thực hiện kinh doanh năm 2013 so với cùng kỳ năm trước:

Chỉ tiêu	2012	2013	Tỷ lệ tăng trưởng 2013/2012 (%)
1. Doanh thu thuần về bán hàng	1.099.210.176.248	1.453.047.371.947	+32%
2. Lợi nhuận trước thuế	96.760.682.747	95.240.618.641	-2%

3. Kế hoạch hoạt động năm 2014:

Kế hoạch kinh doanh năm 2014 Ban điều hành công ty đã trình Hội đồng Quản trị thông qua và đã trình bày trong phần báo cáo của Hội đồng Quản trị.

PHẦN 4: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

❖ **Sơ đồ tổ chức**

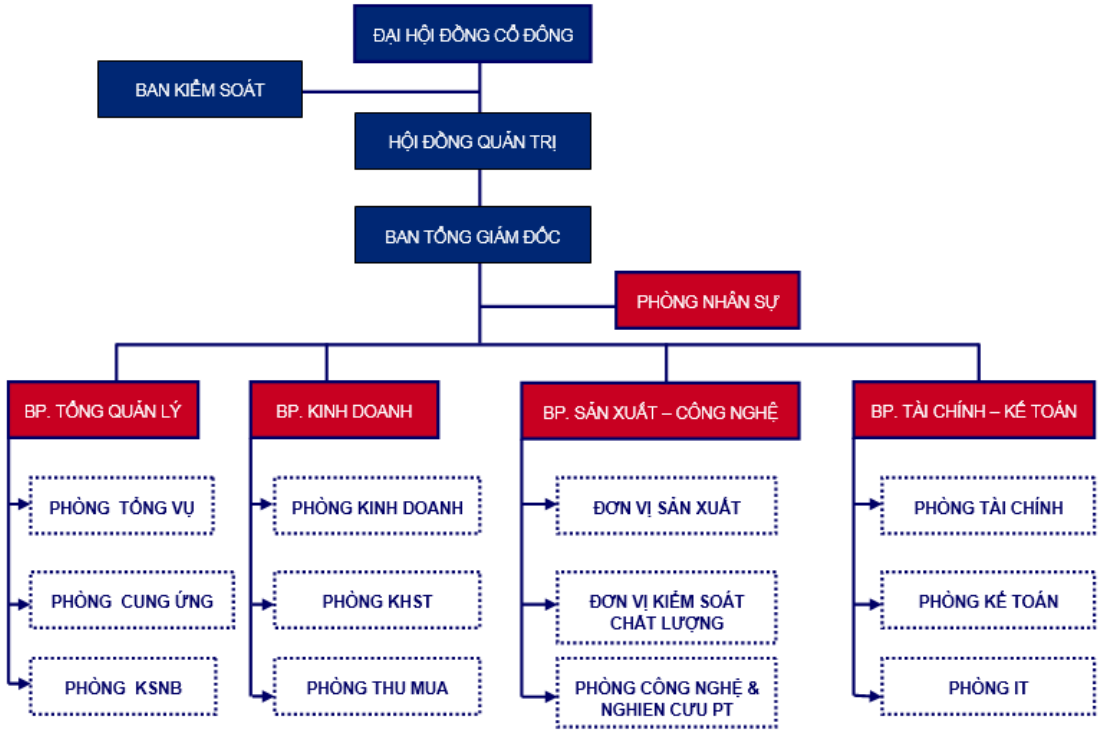

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

❖ **Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản tri**

1. Ông Đặng Triệu Hòa, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Sợi Thế Kỷ. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung. Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập Công ty Thế Kỷ.

Với vai trò Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty.

Tại ngày 31/12/2013: Ông Đặng Triệu Hòa nắm giữ 4.326.891 cổ phần tương đương tỷ lệ 13,93% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

2. Bà Đặng Mỹ Linh, thành viên HĐQT không điều hành

Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của Sợi Thế Kỷ. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sợi từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.

Tại ngày 31/12/2013: Bà Đặng Mỹ Linh nắm giữ 2.886.601 cổ phần tương đương tỷ lệ 9,3% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

3. Ông Đặng Hướng Cường, thành viên HĐQT không điều hành

Ông Đặng Hướng Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của Sợi Thế Kỷ. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sợi.

Tại ngày 31/12/2012: Ông Đặng Hướng Cường nắm giữ 2.886.601 cổ phần tương đương tỷ lệ 9,3% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

4. Ông Jean-Eric Jacquemin, thành viên HĐQT không điều hành

Ông Jean-Eric Jacquemin tham gia Hội đồng Quản trị Sợi Thế Kỷ từ tháng 12/2009, sau khi Quỹ đầu tư Red River Holding trở thành cổ đông chiến lược của Sợi Thế Kỷ. Ông Jean-Eric là Giám đốc Quỹ đầu tư Red River Holding và cũng đồng thời là Giám đốc điều hành Công ty Quản lý quỹ Jade River Management. Ông Jean-Eric còn là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển France Gabon.

Trước đó, Ông Jean-Eric đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tái cấu trúc doanh nghiệp cũng như lĩnh vực sáp nhập và mua lại doanh nghiệp tại Hoa Kỳ, Pháp và Việt Nam.

Tại ngày 31/12/2013: cá nhân Ông Jean-Eric Jacquemin nắm giữ 0 cổ phần.

5. Ông Lee Chien Kuan, thành viên HĐQT độc lập

Ông Lee Chien Kuan tham gia Hội đồng Quản trị của Sợi Thế Kỷ từ năm 2008. Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi, Ông Lee Chien Kuan đã có những đóng góp tích cực cho hoạt động sản xuất và công tác quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Tại ngày 31/12/2013: Ông Lee Chien Kuan nắm giữ 378.245 cổ phần tương đương tỷ lệ 1,22% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

6. Ông Thái Tuấn Chí, thành viên HĐQT độc lập

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

Ông Thái Tuấn Chí tham gia làm thành viên HĐQT của Sợi Thế Kỷ vào năm 2008. Ông Thái Tuấn Chí cũng là người sáng lập Tập đoàn Thái Tuấn, hiện tại Ông đang đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Tuấn. Nhiều năm liền ông đạt danh hiệu Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu và Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu. Ông được trao tặng huân chương lao động hạng 3 và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ và UBND TP.HCM.

Tại ngày 31/12/2013: cá nhân Ông Thái Tuấn Chí nắm giữ 0 cổ phần.

❖ Danh sách thành viên HĐQT đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty:

- Ông Đặng Triệu Hòa
- Bà Đặng Mỹ Linh
- Ông Đặng Hướng Cường

❖ Tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2013:

- Tổng số cuộc họp: 12
- Nội dung và kết quả:
  - Thông qua nội dung, chương trình, địa điểm và thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.
  - Đánh giá, thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, nhân sự trong từng quý, 6 tháng và cả năm 2013 của công ty và có những chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời để đảm bảo hoạt động của công ty phát triển ổn định.
  - Thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh từng quý, 6 tháng và cả năm 2013 của công ty.
  - Thông qua ngày chốt danh sách và phương án trả cổ tức năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 15% cho cổ đông hiện hữu.
  - Thông qua ngày chốt danh sách và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15% cho cổ đông hiện hữu.
  - Thông qua việc đề nghị một số ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho công ty và chi nhánh như ngân hàng Eximbank, Chinatrust, TMCP Kỹ Thương Việt Nam, ANZ, Shinhan v.v…
  - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

❖ **<u>Giới thiệu Ban Kiểm soát</u>**

1. Ông Nguyễn Tự Lực, Trưởng Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Tự Lực đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm soát của Sợi Thế Kỷ từ năm 2008. Trước đó ông đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng của Sợi Thế Kỷ từ khi Công ty được thành lập vào năm 2000. Ngoài ra, ông Lực còn là Trưởng Ban kiểm soát của công ty cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công. Ông tốt nghiệp Cử nhân Kế toán.

Tại ngày 31/12/2013: Ông Nguyễn Tự Lực nắm giữ 18.126 cổ phần tương đương tỷ lệ 0,06% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh, Thành viên

Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh là thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ từ năm 2008. Ngoài ra, bà Linh còn là thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần cấp nước Phú Hòa Tân, Công ty cổ phần cấp nước Bến Thành, công ty cổ phần cấp nước Nhà Bè… Hiện

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

tại, Bà là Giám đốc Dịch vụ Khách hàng tổ chức kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

Bà Linh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng và chương trình sau Đại học, Chuyên ngành Tài chính công, Trường Fulbright - John F. Kennedy School of Government thuộc Đại học Havard (Hoa Kỳ).

Tại ngày 31/12/2013: cá nhân Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh nắm giữ 0 cổ phần.

3. Ông Lê Anh Tuấn, Thành viên

Ông Lê Anh Tuấn là thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ từ ngày 28/03/2013 thay cho bà Phan Thị Hồng Phúc đã hết nhiệm kỳ. Ông Lê Anh Tuấn nguyên là Phó Ban – Ban Quản lý các KCX-KCN TP.HCM (Hepza).

Ông Lê Anh Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Quản lý hành chính Học viện Hành chính Quốc gia và chương trình sau Đại học, chuyên ngành Kinh tế của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

Tại ngày 31/12/2013: ông Lê Anh Tuấn nắm giữ 40.250 cổ phần tương đương tỷ lệ 0,13% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

❖ Những thay đổi trong Ban Kiểm soát:

Tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 28/03/2013, Đại hội đã tiến hành bầu cử Ban Kiểm soát. Kết quả chỉ thay đổi một thành viên mới trúng cử là Ông Lê Anh Tuấn thay cho Bà Phan Thị Hồng Phúc đã hết nhiệm kỳ.

❖ Tình hình hoạt động của BKS trong năm 2013:

Tổng số cuộc họp: 3

Nội dung và kết quả:

Ban kiểm soát có 3 người đều tốt nghiệp đại học, có kinh nghiệm vì đã trải qua quá trình làm việc hơn vài chục năm tại các doanh nghiệp nên có đủ năng lực và làm việc hiệu quả vì có phân công hợp tác, chia sẽ kinh nghiệm trong quá trình kiểm tra giám sát tại công ty.
Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động năm thứ 1 của nhiệm kỳ: 2013~2018, từ tháng 4/2013 đến Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 trong đó có lập kế hoạch họp của BKS là 3 lần trong năm và có phân công cụ thể cho từng thành viên đảm trách các công việc có trách nhiệm trong báo cáo chung của Ban kiểm soát thông qua HĐQT và báo cáo trước ĐHCĐ thường niên, cụ thể :

● **Lần thứ 1 ngày 28/3/2013:**

Nội dung: Ban kiểm soát có mặt tại cuộc họp đã công khai bầu Trưởng ban kiểm soát và thông qua "Kế hoạch hoạt động năm thứ 1 của nhiệm kỳ 2013~2018 của Ban kiểm soát".

Tham dự 2/2 thành viên,

Kết quả cuộc họp tốt, biểu quyết 2/2 thống nhất nội dung họp như trên.

● **Lần thứ 2 ngày 08/8/2013:**

Nội dung: Đánh giá tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2013; phân công cho từng thành viên.

Tham dự 3/3 thành viên BKS.

BKS có kiểm tra, xác nhận số liệu về: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2013: 664.104.655.744 đồng so với kế hoạch cả năm: 1.591.572.000.000 đồng, đạt 41,72%, về lợi nhuận sau thuế: 24.742.585.755 đồng so với kế hoạch cả năm: 97.566.000.000 đồng, đạt 25,40%.

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

Trên cơ sở phân tích bên trên, BKS thống nhất đánh giá được tình hình hoạt động của công ty 6 tháng đầu năm 2013, đồng thuận với nội dung biên bản của cuộc họp HĐQT ngày 29/7/2013 và kết luận của chủ tịch HĐQT.

● **Lần thứ 3 ngày 01/11/2013:**

Tham dự 3/3 thành viên.

Nội dung: Căn cứ vào cuộc họp của HĐQT ngày 29/10/2013 có thông báo: "Kết quả hoạt động quí 3 và 9 tháng 2013 cụ thể, về doanh thu 9 tháng/2013: 1.049.751.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế: 51.731.000.000 đồng. Thảo luận kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2014: Doanh thu: 1.579.496.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế: 109.241.000.000 đồng. "Kế hoạch mở rộng đầu tư giai đoạn 3 chi nhánh Trảng Bàng "

Các thành viên Ban kiểm soát cùng họp với nhau để thảo luận nội dung từ kết quả họp HĐQT ngày 29/10/2013; kiểm tra số liệu kế toán 9 tháng, ước tình hình thực hiện cả năm 2013, xem xét kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2014, và thảo luận "Kế hoạch mở rộng đầu tư giai đoạn 3 chi nhánh Trảng Bàng".

Qua phân tích số liệu, BKS thống nhất với kết quả SXKD 9 tháng; thống nhất mức ước doanh thu thực hiện cả năm 2013 là 1.453.047.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế cả năm là 73.053.000.000 đồng. Qua trao đổi các thành viên BKS thống nhất với kế hoạch kinh doanh năm 2014 mà HĐQT đề nghị với doanh thu là 1.579.496.000.000 đồng và lợi nhuận trước thuế là 109.241.000.000 đồng và thống nhất Kế hoạch mở rộng đầu tư giai đoạn 3 chi nhánh Trảng Bàng ".

Hoạt động của BKS sau ĐHCĐ thường niên 2013 ngày 28/3/2013 đến hết 31/12/2013, BKS đánh giá hoạt động tích cực do bám sát theo "Kế hoạch hoạt động năm thứ 1 nhiệm kỳ 2013~2018 của BKS" đã được các thành viên BKS thống nhất thông qua trong phiên họp lần thứ 1 của BKS ngày 28/3/2013.

❖ **<u>Báo cáo chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2013:</u>**

Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị căn cứ vào

- Số ngày làm việc cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và
- Mức thù lao bình quân mỗi ngày.

Trong năm 2013: Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị như sau:

- Số ngày làm việc cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị là 15 ngày;
- Mức thù lao cho 1 ngày làm việc/ 1 người là: 6.000.000 đồng;
- Mức thù lao cho từng thành viên HĐQT: 6.000.000 x 15 = 90.000.000 đồng/ người/năm.

⇨ Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị năm 2013 là: 540.000.000 đồng.

Tổng mức thù lao của Ban Kiểm soát được xác định căn cứ vào:

- Số ngày làm việc cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát và;
- Mức thù lao bình quân mỗi ngày.

Trong năm 2013: Tổng mức thù lao của Ban Kiểm soát như sau:

- Số ngày làm việc cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát là 08 ngày;

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

- Mức thù lao cho 1 ngày làm việc / 1 người là: 3.375.000 đồng;
- Mức thù lao cho từng thành viên BKS: 3.375.000 x 8 = 27.000.000 đồng/người/năm.

⇨ Tổng mức thù lao cho Ban Kiểm soát năm 2013 là: 81.000.000 đồng.

Báo cáo thu nhập lương, thưởng, thù lao của Ban Tổng Giám Đốc điều hành năm 2013:

Tổng thu nhập từ lương (kể cả thưởng) sau thuế trong năm 2013 của Tổng Giám Đốc là 1.019.439.115 đồng.

Tổng thu nhập từ lương (kể cả thưởng) sau thuế trong năm 2013 của Phó Tổng Giám Đốc là 956.789.289 đồng.

❖ **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Thông tin về cổ phần của công ty tại ngày 31/12/2013

- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành: 31.542.584 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 31.542.584 cổ phần. Trong đó:
  - Cổ phiếu phổ thông: 31.542.584 cổ phần
  - Cổ phiếu ưu đãi: 0
- Số lượng trái phiếu đang lưu hành: không có
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 491.234 cổ phần. Trong đó:
  - Cổ phiếu phổ thông: 491.234 cổ phần
  - Cổ phiếu ưu đãi: 0
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành tại ngày 31/12/2013: 31.051.350 cổ phần (trong đó có 172.840 cổ phần phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP năm 2010 bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết riêng giữa công ty và CBCNV).

Cổ tức trên mỗi cổ phiếu: trong năm công ty đã trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 15%/ mệnh giá.

b) Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2013

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1.	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2.	Hội đồng Quản trị (bao gồm Red River Holding, Tập đoàn Thái Tuấn), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	10	19.382.560	61,4%
3.	CBCNV	27	280.322	0,9%
4.	Cổ đông bên ngoài, trong đó: - Cổ đông tổ chức trong nước - Cổ đông cá nhân trong nước - Cổ đông tổ chức nước ngoài	 2 55 1	 366.596 7.429.766 317.400	 1,2% 23,6% 1%

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
	- Cổ đông cá nhân nước ngoài	5	3.274.706	10,4%
5.	- Cổ phiếu quỹ	0	491.234	1,6%
	Tổng cộng	**100**	**31.542.584**	**100%**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Công ty đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông với tỷ lệ 15% vào ngày 17/06/2013 theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/03/2013. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ mới của Công ty là 315.425.840.000 đồng.
- Ngày 19/07/2013, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 với nội dung thay đổi vốn điều lệ mới là 315.425.840.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm công ty thực hiện 01 đợt mua lại cổ phiếu quỹ như sau:

- Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 01/01/2013: 483.906 cổ phần
- Ngày 08/11/2013, công ty mua lại 7.328 cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP của CBCNV nghỉ việc bằng mệnh giá làm cổ phiếu quỹ, nâng tổng số cổ phiếu quỹ lên 491.234 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2013: 491.234 cổ phần.

e) Tình hình giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn như sau:

- Ngày 28/02/2013, ông Lee Chien Kuan, thành viên HĐQT của công ty đã thực hiện mua 12.000 cổ phần để đầu tư. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 450.648 cổ phần tương đương 1,67%.
- Ngày 10/09/2013, ông Lee Chien Kuan, thành viên HĐQT của công ty đã thực hiện bán 140.000 cổ phần để cơ cấu danh mục đầu tư. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 378.245 cổ phần tương đương 1,22%.
- Ngày 13/08/2013, ông Yeh Kuo-Hui, cổ đông lớn của công ty đã thực hiện bán 398.475 cổ phần để cơ cấu danh mục đầu tư. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là 2.656.500 cổ phần tương đương 8,55%.

❖ **Thông tin về cổ đông sáng lập**

1. Ông Đặng Triệu Hòa: hiện tại là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

   Năm sinh: 1969

   Địa chỉ liên hệ: A 30 Khu Gia Cư Bàu Cát, Quận Tân Bình , Tp HCM

   Thời điểm góp vốn: 11/04/2005

   Số lượng cổ phần hiện tại đang sở hữu: 4.326.891 cổ phần

2. Bà Đặng Mỹ Linh: Thành viên Hội đồng Quản trị

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

Năm sinh: 1972

Địa chỉ liên hệ: 65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, Tp HCM

Thời điểm góp vốn: 11/04/2005

Số cổ phần hiện tại đang sở hữu: 2.886.601 cổ phiếu

3. Ông Đặng Hướng Cường: Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1976

Địa chỉ liên hệ: 65/39 Phú Thọ, P1, Quận 11, Tp HCM

Thời điểm góp vốn: 11/04/2005

Số cổ phần hiện tại đang sở hữu: 2.886.601 cổ phiếu

❖ **Thông tin về cổ đông nước ngoài**

Tên cổ đông: Quỹ đầu tư Red River Holding

Địa chỉ liên hệ: Công ty TritinInternational, 9A Tú Xương, Quận 3, TP.HCM

Thời điểm góp vốn: 13/01/2010

Số cổ phần đang sở hữu: 7.942.935 cổ phiếu

❖ **Tình hình nhân sự**

HẠNG MỤC	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2013
Số lượng cán bộ công nhân viên, trong đó:	704	713
- Cấp Quản lý:		
• Cấp cao	3	3
• Cấp trung	18	20
• Cấp cơ sở	60	65
- Nhân viên văn phòng	131	122
- Công nhân	492	503

❖ **<u>Giới thiệu thành viên Ban điều hành</u>**

1. Ông Đặng Triệu Hòa, Tổng Giám Đốc

2. Ông Huang Wei Ling, Phó Tổng Giám Đốc

Ông Huang Wei Ling tham gia vào Sợi Thế Kỷ từ tháng 05/2008 với vị trí Giám đốc kinh doanh và tháng 01/2010 được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách các mảng hoạt động về kinh doanh, kế hoạch sản xuất. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh sợi, Ông Huang đã có nhiều đóng góp tích cực cho công ty từ khi được bổ nhiệm. Trước đó, ông đảm nhiệm các vị trí kinh doanh tại các công ty Formosa Taffeta Việt Nam, Paiho Việt Nam. Ông tốt nghiệp chuyên ngành Kinh doanh quốc tế tại Đài Loan.

Tại ngày 31/12/2013: Ông Huang Wei Ling nắm giữ 529.414 cổ phần tương đương tỷ lệ 1,7% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · Chi nhánh: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · Fax: (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · Email: century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · Website: www.theky.vn

3. Ông Phan Như Bích, Kế toán trưởng

Ông Phan Như Bích gia nhập Sợi Thế Kỷ từ Tháng 11/2010 với vị trí Kế toán trưởng. Với kinh nghiệm nhiều năm làm việc tại phòng kế toán của Công ty cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành công, ông đã có nhiều đóng góp tích cực và cải thiện đáng kể đối với hoạt động tài chính, kế toán của Công ty.

Ông Bích tốt nghiệp cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán.

Tại ngày 31/12/2013: Ông Phan Như Bích nắm giữ 6.900 cổ phần tương đương tỷ lệ 0,022% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

- Những thay đổi trong Ban Điều hành: không có
- **Hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên:**

Với nhận thức nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng quyết định đối với định hướng phát triển lâu dài của Công ty, Sợi Thế Kỷ đã áp dụng những chính sách nhân sự thiết thực và hiệu quả, nhằm tạo động lực gắn bó của đội ngũ cán bộ công nhân viên.

Công ty áp dụng mức lương, thưởng hợp lý đối với từng chức vụ và vị trí công việc, đặc biệt mức lương trung bình của đội ngũ công nhân khá cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Đồng thời, công ty cũng cung cấp nhà trọ cho cán bộ công nhân viên làm việc tại Nhà máy Củ Chi và nhà máy thứ hai tại Chi nhánh Trảng Bàng, Tây Ninh.

Để chuẩn bị cho đội ngũ kế thừa đủ năng lực làm việc trong giai đoạn mở rộng nhà máy trong thời gian tới, Công ty luôn chú trọng tổ chức các lớp đào tạo trong nội bộ lẫn bên ngoài nhằm nâng cao tay nghề, kỹ năng quản lý và quản trị cho CBCNV. Công ty cũng tổ chức các lớp đào tạo về Kaisen, 5S với sự hướng dẫn từ các chuyên gia Nhật Bản.

Ngoài ra, Sợi Thế Kỷ cũng chú trọng xây dựng văn hóa công ty thông qua các buổi sinh hoạt tập thể hàng tuần thảo luận về tầm nhìn, sứ mệnh của từng phòng ban. Đây là hoạt động định kỳ dành cho cấp quản lý nhằm giúp mọi người cùng hiểu rõ mục tiêu và kế hoạch làm việc trung hạn của từng bộ phận liên quan. Từ đó tạo sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau để cùng hướng tới mục tiêu chung. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các buổi thảo luận và thuyết trình sách nhằm chia sẻ, đúc kết những kinh nghiệm, bài học bổ ích, có giá trị từ sách để vận dụng vào thực tiễn công việc và cuộc sống.

PHẦN 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013

Toàn văn nội dung Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: **www.theky.vn** và đã thực hiện công bố thông tin trên báo Đầu tư chứng khoán số 31 (1439) phát hành vào Thứ Tư ngày 12/3/2014.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0302013... CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ H. CỦ CHI TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG TRIỆU HÒA

Trụ sở: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM, Việt Nam · **Chi nhánh:** Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
ĐT: (+84.8) 3790 7565; (+84.66) 389 9537 · **Fax:** (+84.8) 3790 7566; (+84.66) 389 9536 · **Email:** century@hcm.vnn.vn, csf@century.vn · **Website:** www.theky.vn

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

EY

Building a better working world

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 33

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103003288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKKD điều chỉnh:

GCNĐKKD điều chỉnh số	*Ngày*
4103003288 – lần thứ 1	24 tháng 5 năm 2007
4103003288 – lần thứ 2	12 tháng 9 năm 2007
4103003288 – lần thứ 3	6 tháng 8 năm 2008
4103003288 – lần thứ 4	14 tháng 3 năm 2009
4103003288 – lần thứ 5	12 tháng 11 năm 2009
0302018927 – lần thứ 6	13 tháng 1 năm 2010
0302018927 – lần thứ 7	8 tháng 10 năm 2010
0302018927 – lần thứ 8	19 tháng 10 năm 2011
0302018927 – lần thứ 9	6 tháng 7 năm 2012
0302018927 – lần thứ 10	19 tháng 7 năm 2013

Công ty có một chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 45211000130 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26 tháng 6 năm 2009, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh:

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số	*Ngày*
45211000130 – lần thứ 1	17 tháng 8 năm 2009
45211000130 – lần thứ 2	27 tháng 5 năm 2010
45211000130 – lần thứ 3	11 tháng 6 năm 2010
45211000130 – lần thứ 4	15 tháng 4 năm 2011
45211000130 – lần thứ 5	14 tháng 1 năm 2014

Hoạt động chính hiện tại của Công ty và chi nhánh là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh tại Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa;	Chủ tịch
Ông Đặng Hướng Cường	Thành viên
Bà Đặng Mỹ Linh	Thành viên
Ông Lee Chien Kuan	Thành viên
Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
Ông Thái Tuấn Chí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên	
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Thành viên	từ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2013
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2013

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Triệu Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Huang Wei Ling	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Triệu Hòa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này cùng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Đặng Triệu Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 60867230/16363913

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY

Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Narciso T. Torres Jr.
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1

Lê Vũ Trường
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**404.294.358.625**	**312.433.587.543**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***75.562.455.154***	***24.098.834.109***
111	1. Tiền		19.562.455.154	16.098.834.109
112	2. Các khoản tương đương tiền		56.000.000.000	8.000.000.000
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***102.610.110.331***	***84.652.713.008***
131	1. Phải thu khách hàng	5	94.102.791.586	83.415.923.765
132	2. Trả trước cho người bán		6.497.190.493	824.445.981
135	3. Các khoản phải thu khác		2.010.128.252	412.343.262
140	***III. Hàng tồn kho***	***6***	***210.311.803.168***	***194.751.638.645***
141	1. Hàng tồn kho		210.311.803.168	194.751.638.645
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***15.809.989.972***	***8.930.401.781***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.635.144.357	1.072.914.354
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.476.242.004	7.751.340.119
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		415.017.074	7.978.362
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		4.283.586.537	98.168.946
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**621.176.784.110**	**704.144.686.663**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***500.000.000***	***800.000.000***
218	1. Phải thu dài hạn khác		500.000.000	800.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***577.642.203.873***	***659.630.526.845***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	480.236.428.350	539.989.498.381
222	Nguyên giá		748.498.005.938	739.481.119.568
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(268.261.577.588)	(199.491.621.187)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	8	86.668.534.591	98.904.092.415
225	Nguyên giá		122.355.578.248	122.355.578.248
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(35.687.043.657)	(23.451.485.833)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	8.965.479.674	8.439.139.346
228	Nguyên giá		13.594.039.674	10.511.383.594
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(4.628.560.000)	(2.072.244.248)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.771.761.258	12.297.796.703
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***43.034.580.237***	***43.714.159.818***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	36.717.669.411	36.947.407.564
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.2	1.057.910.826	866.804.694
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.259.000.000	5.899.947.560
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.025.471.142.735**	**1.016.578.274.206**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**522.407.728.355**	**547.330.639.970**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***306.047.497.556***	***267.042.427.605***
311	1. Vay ngắn hạn	12	71.091.246.144	36.751.094.894
312	2. Phải trả người bán		202.035.732.451	192.008.783.325
313	3. Người mua trả tiền trước		5.310.643.377	7.424.116.587
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	13,102,356,638	13.060.147.961
315	5. Phải trả người lao động		4.414.071.427	3.500.154.795
316	6. Chi phí phải trả	14	4.966.056.295	4.964.569.172
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.458.721.302	1.555.954.441
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.668.669.922	7.777.606.430
330	***II. Nợ dài hạn***		***216.360.230.799***	***280.288.212.365***
333	1. Phải trả dài hạn khác		353.326.959	372.055.917
334	2. Vay và nợ dài hạn	15	216.006.903.840	279.916.156.448
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**503.063.414.380**	**469.247.634.236**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***16.1***	***503.063.414.380***	***469.247.634.236***
411	1. Vốn cổ phần		315.425.840.000	274.914.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	40.145.500.800
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		(11.826.900.000)	(11.753.620.000)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.219.011.000	1.219.011.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		198.245.463.380	164.721.832.436
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.025.471.142.735**	**1.016.578.274.206**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (US$)	692.819	680.296

Lê Thị Mộng Tuyền Người lập	Phan Như Bích Kế toán trưởng	Đặng Triệu Hòa Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
1	**1. Doanh thu bán hàng**	17.1	**1.454.452.384.377**	**1.099.306.642.309**
2	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	17.1	**(1.405.012.430)**	**(96.466.061)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng**	17.1	**1.453.047.371.947**	**1.099.210.176.248**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	19	**(1.275.819.719.271)**	**(924.734.079.439)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**177.227.652.676**	**174.476.096.809**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	17.2	**7.090.533.409**	**3.632.235.955**
22	**7. Chi phí tài chính**	18	**(21.065.807.619)**	**(18.698.609.165)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(13.858.879.159)*	*(17.965.470.881)*
24	**8. Chi phí bán hàng**	19	**(34.306.328.995)**	**(28.078.886.988)**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	19	**(33.520.287.799)**	**(34.124.514.109)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**95.425.761.672**	**97.206.322.502**
31	**11. Thu nhập khác**		**471.455.166**	**181.490.624**
32	**12. Chi phí khác**		**(656.598.197)**	**(627.130.379)**
40	**13. Lỗ khác**		**(185.143.031)**	**(445.639.755)**
50	**14. Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**95.240.618.641**	**96.760.682.747**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	20.1	**(21.031.287.129)**	**(12.849.882.452)**
52	**16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	20.2	**191.106.132**	**290.898.123**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**74.400.437.644**	**84.201.698.418**
70	**18. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu**	22	**2.396**	**2.710**

Lê Thị Mộng Tuyền	Phan Như Bích	Đặng Triệu Hòa
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**95.240.618.641**	**96.760.682.747**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản	7,8,9	84.446.111.259	64.823.090.182
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(2.863.411.515)	(2.858.508.388)
06	Chi phí lãi vay	18	13.858.879.159	17.965.470.881
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**190.682.197.544**	**176.690.735.422**
09	Tăng các khoản phải thu		(19.927.923.036)	(17.296.001.474)
10	Tăng hàng tồn kho		(15.560.164.523)	(51.487.449.644)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		6.049.701.759	(19.253.807.502)
12	Giảm chi phí trả trước		450.920.852	4.584.305.428
13	Tiền lãi vay đã trả		(13.446.033.699)	(17.251.749.057)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.1	(20.335.410.327)	(19.241.795.954)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		115.331.797.649	167.435.619.664
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(118.737.682.564)	(172.107.156.974)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**124.507.403.655**	**52.072.699.909**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.483.443.489)	(186.988.411.144)
22	Tiền thu thanh lý tài sản cố định		-	65.454.546
27	Tiền thu lãi tiền gửi		2.863.411.515	2.793.053.842
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**379.968.026**	**(184.129.902.756)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	16.1	(73.280.000)	(103.060.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		165.713.331.250	335.844.018.320
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(131.813.308.000)	(229.939.011.944)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(66.739.116.386)	(18.879.915.504)
36	Tiền chi trả cổ tức		(40.511.377.500)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(73.423.750.636)**	**86.922.030.872**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**51.463.621.045**	**(45.135.171.975)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**24.098.834.109**	**69.234.006.084**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**75.562.455.154**	**24.098.834.109**

Lê Thị Mộng Tuyền	Phan Như Bích	Đặng Triệu Hòa
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103003288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 4 năm 2005, và các GCNĐKKD điều chỉnh:

GCNĐKKD điều chỉnh số	*Ngày*
4103003288 – lần thứ 1	24 tháng 5 năm 2007
4103003288 – lần thứ 2	12 tháng 9 năm 2007
4103003288 – lần thứ 3	6 tháng 8 năm 2008
4103003288 – lần thứ 4	14 tháng 3 năm 2009
4103003288 – lần thứ 5	12 tháng 11 năm 2009
0302018927 – lần thứ 6	13 tháng 1 năm 2010
0302018927 – lần thứ 7	8 tháng 10 năm 2010
0302018927 – lần thứ 8	19 tháng 10 năm 2011
0302018927 – lần thứ 9	6 tháng 7 năm 2012
0302018927 – lần thứ 10	19 tháng 7 năm 2013

Công ty có một chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 45211000130 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26 tháng 6 năm 2009, và các Giấy chứng nhận điều chỉnh:

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số	*Ngày*
45211000130 – lần thứ 1	17 tháng 8 năm 2009
45211000130 – lần thứ 2	27 tháng 5 năm 2010
45211000130 – lần thứ 3	11 tháng 6 năm 2010
45211000130 – lần thứ 4	15 tháng 4 năm 2011
45211000130 – lần thứ 5	14 tháng 1 năm 2014

Hoạt động chính hiện tại của Công ty và chi nhánh là sản xuất sợi tổng hợp và dệt kim.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh đặt tại Khu Công nghiệp Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 720 (31 tháng 12 năm 2012: 661).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật kí chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 5 năm

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá 21.036 VNĐ/US$ (31 tháng 12 năm 2012: 20.828 VNĐ/US$). Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông của Công ty khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định trên giá trị thuần có thể thực hiện được từ các khoản đã thu hoặc phải thu, không bao gồm các khoản chiết khấu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm kế toán hiện hành và các năm kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày các báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và nợ và vay.

Công cụ tài chính - giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	48.528.807	52.912.906
Tiền gửi ngân hàng	19.513.926.347	16.045.921.203
Các khoản tương đương tiền	56.000.000.000	8.000.000.000
TỔNG CỘNG	**75.562.455.154**	**24.098.834.109**

Khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất ngân hàng có thể áp dụng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bên thứ ba	93.088.227.929	80.013.643.680
Bên liên quan *(Thuyết minh số 21)*	1.014.563.657	3.402.280.085
TỔNG CỘNG	**94.102.791.586**	**83.415.923.765**

Như được trình bày trong Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp các khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

6. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nguyên vật liệu	62.431.029.368	34.750.073.172
Thành phẩm	94.978.469.307	105.748.459.901
Hàng mua đang đi trên đường	52.902.304.493	54.253.105.572
TỔNG CỘNG	**210.311.803.168**	**194.751.638.645**

Như được trình bày trong Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Trang thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	140.647.005.312	538.141.767.018	60.342.304.884	350.042.354	739.481.119.568
Mua mới	-	83.312.000	-	-	83.312.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản	9.951.251.256	-	-	-	9.951.251.256
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	-	(667.946.123)	(165.897.087)	(183.833.676)	(1.017.676.886)
Số cuối năm	150.598.256.568	537.557.132.895	60.176.407.797	166.208.678	748.498.005.938
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*12.311.542.400*	*41.867.430.872*	*2.980.265.475*	*31.868.992*	*57.191.107.739*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	41.306.672.076	144.477.683.094	13.426.955.731	280.310.286	199.491.621.187
Khấu hao trong năm	12.736.519.658	50.268.799.374	6.622.050.714	26.867.937	69.654.237.683
Chuyển sang chi phí trả trước (*)	-	(562.670.455)	(165.897.087)	(155.713.740)	(884.281.282)
Số cuối năm	54.043.191.734	194.183.812.013	19.883.109.358	151.464.483	268.261.577.588
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	99.340.333.236	393.664.083.924	46.915.349.153	69.732.068	539.989.498.381
Số cuối năm	96.555.064.834	343.373.320.882	40.293.298.439	14.744.195	480.236.428.350
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 15)	*96.555.064.834*	*343.373.320.882*	*40.293.298.439*	-	*480.221.684.155*

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") sang chi phí trả trước dài hạn.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ *Máy móc và thiết bị*
Nguyên giá:	
Số đầu năm và cuối năm	122.355.578.248
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	23.451.485.833
Khấu hao trong năm	12.235.557.824
Số cuối năm	35.687.043.657
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	98.904.092.415
Số cuối năm	86.668.534.591

Công ty thuê tài chính các máy móc thiết bị hiện đang vận hành trong dây chuyền sản xuất sợi. Theo hợp đồng thuê tài chính ký ngày 25 tháng 2 năm 2011, Công ty có thể mua lại máy móc thiết bị khi thời gian thuê hết hạn vào ngày 25 tháng 2 năm 2016. Các cam kết liên quan các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh 15.2.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ *Phần mềm vi tính*
Nguyên giá:	
Số đầu năm	10.511.383.594
Mua mới	3.082.656.080
Số cuối năm	13.594.039.674
Trong đó:	
Đã khấu trừ hết	*113.300.000*
Giá trị khấu trừ lũy kế:	
Số đầu năm	2.072.244.248
Khấu trừ trong năm	2.556.315.752
Số cuối năm	4.628.560.000
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	8.439.139.346
Số cuối năm	8.965.479.674

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng nhà xưởng và máy móc trong quá trình lắp đặt tại Chi nhánh Trảng Bàng – giai đoạn 2 của Công ty.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền thuê đất (quyền sử dụng đất) *(*)*	29.772.544.513	30.596.769.909
Khác	6.945.124.898	6.350.637.655
TỔNG CỘNG	**36.717.669.411**	**36.947.407.564**

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 15.1, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

12. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vay ngắn hạn	41.634.451.200	17.870.424.000
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 15)*	29.456.794.944	18.880.670.894
TỔNG CỘNG	**71.091.246.144**	**36.751.094.894**

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

	Số cuối năm	*Giá trị gốc*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VNĐ	*Đô la Mỹ*		*(/năm)*	
Ngân hàng Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Nam					
Số. 201325775	6.941.880.000	330.000	Từ 12 tháng 9 năm 2013 đến 6 tháng 9 năm 2014	2%	Hàng tồn kho và các khoản phải thu của công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
Số. 201326308	4.207.200.000	200.000	Từ 16 tháng 12 năm 2013 đến 16 tháng 12 năm 2014	2%	
Số. 201326621	6.310.800.000	300.000	Từ 19 tháng 12 năm 2013 đến 19 tháng 12 năm 2014	2%	
Số. 201326791	6.310.800.000	300.000	Từ 23 tháng 12 năm 2013 đến 23 tháng 12 năm 2014	2%	
Số. 201327194	3.470.940.000	165.000	Từ 26 tháng 12 năm 2013 đến 26 tháng 12 năm 2014	2%	
	27.241.620.000	**1.295.000**			
Ngân hàng Thương mại Chinatrust					
907ILSN1300314	403.891.200	19.200	Từ 10 tháng 10 năm 2013 đến 8 tháng 2 năm 2014	2%	Tín chấp
907ILSN1300303	13.988.940.000	665.000	Từ 5 tháng 9 năm 2013 đến 2 tháng 2 năm 2014	2%	Tín chấp
	14.392.831.200	**684.200**			

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 20.1)*	9.372.343.472	8.676.466.670
Thuế giá trị gia tăng	47.518.956	3.936.722.033
Thuế xuất, nhập khẩu	3.500.125.020	196.608.756
Thuế thu nhập cá nhân	160.358.850	180.893.002
Khác	22.010.340	69.457.500
TỔNG CỘNG	**13.102.356.638**	**13.060.147.961**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí tiện ích	2.254.506.912	2.016.895.069
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.472.819.441	1.738.286.505
Chi phí lãi vay	412.845.460	713.721.824
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	195.526.151	436.202.574
Chi phí khác	630.358.331	59.463.200
TỔNG CỘNG	**4.966.056.295**	**4.964.569.172**

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vay ngân hàng	209.001.537.192	239.010.089.416
Thuê tài chính	36.462.161.592	59.786.737.926
TỔNG CỘNG	**245.463.698.784**	**298.796.827.342**
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	*29.456.794.944*	*18.880.670.894*
Nợ dài hạn	*216.006.903.840*	*279.916.156.448*

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 *Vay dài hạn từ ngân hàng*

	Số cuối năm	*Giá trị gốc*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất (/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
	VNĐ	*Đô la Mỹ*			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á					
H.0217-13	137.493.862.392	6.536.122	Từ ngày 1 tháng 3 năm 2012 đến ngày 1 tháng 3 năm 2019	3,2%	Tài sản hình thành từ khoản vay, bao gồm toàn bộ máy móc và thiết bị nhập khẩu (dùng trong giai đoạn 2 của dự án). Tổng giá trị 12.100.000 Đô la Mỹ
Ngân hàng Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Nam					
Số 200908121	58.879.764.000	2.799.000	Từ 20 tháng 7 năm 2010 đến 20 tháng 4 năm 2018	3,2%	Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, và phương tiện vận tải tại Chi nhánh Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	12.627.910.800	600.300			
TỔNG CỘNG	**196.373.626.392**	**9.335.122**			

15.2 *Thuê tài chính*

Công ty hiện đang thuê máy móc theo hợp đồng thuê tài chính từ ngày 25 tháng 2 năm 2011. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VNĐ

	Số cuối năm			*Số đầu năm*
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Nợ gốc*
Nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Dưới 1 năm *(Thuyết minh số 12)*	18.664.882.243	1.835.998.099	16.828.884.144	22.244.483.912
Nợ thuê tài chính dài hạn				
Trên 1 đến 5 năm	20.561.148.061	927.870.613	19.633.277.448	43.798.126.475
TỔNG CỘNG	**39.226.030.304**	**2.763.868.712**	**36.462.161.592**	**66.042.610.387**

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

VNĐ

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:						
Số đầu năm	229.888.340.000	40.145.500.800	(11.650.560.000)	1.219.011.000	130.576.264.494	390.178.556.294
Tăng vốn	45.026.570.000	-	-	-	(45.026.570.000)	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	(103.060.000)	-	-	(103.060.000)
Lợi nhuận trong năm					84.201.698.418	84.201.698.418
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	(5.029.560.476)	(5.029.560.476)
Số cuối năm	274.914.910.000	40.145.500.800	(11.753.620.000)	1.219.011.000	164.721.832.436	469.247.634.236
Năm nay:						
Số đầu năm	274.914.910.000	40.145.500.800	(11.753.620.000)	1.219.011.000	164.721.832.436	469.247.634.236
Tăng vốn	40.510.930.000	(40.145.500.800)	-	-	(365.429.200)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(73.280.000)	-	-	(73.280.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	74.400.437.644	74.400.437.644
Chia cổ tức	-	-	-	-	(40.511.377.500)	(40.511.377.500)
Số cuối năm	315.425.840.000	-	(11.826.900.000)	1.219.011.000	198.245.463.380	503.063.414.380

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên việc chi trả cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ 15% trên mệnh giá (tương đương 1.500 VNĐ/cổ phiếu) và phát hành 4.051.093 cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 13 tháng 6 năm 2013, Công ty đã thực hiện phát hành 4.051.093 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu tương đương 40.510.930.000 VNĐ. Vốn cổ phần của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 315.425.840.000 VNĐ và Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận hoạt động kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 7 năm 2013.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu*

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư đã góp		
Số đầu năm	274.914.910.000	229.888.340.000
Tăng trong năm	40.510.930.000	45.026.570.000
Số cuối năm	315.425.840.000	274.914.910.000
Cổ tức công bố	*(40.511.377.500)*	-
Cổ tức chi trả	*(40.511.377.500)*	-

16.3 *Cổ phiếu*

	Năm nay	*Năm trước*
	Cổ phiếu	*Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.542.584	27.491.491
Số lượng cổ phiếu đã đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	31.542.584	27.491.491
Cổ phiếu phổ thông	*31.542.584*	*27.491.491*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(491.234)	(483.906)
Cổ phiếu phổ thông	*(491.234)*	*(483.906)*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

17 DOANH THU

17.1 *Doanh thu bán hàng*

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**1.454.452.384.377**	**1.099.306.642.309**
Trừ:		
Hàng bán bị trả lại	(1.405.012.430)	(96.466.061)
Doanh thu thuần	**1.453.047.371.947**	**1.099.210.176.248**

17.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi	2.863.411.515	2.793.053.842
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.226.625.113	839.023.585
Khác	496.781	158.528
TỔNG CỘNG	**7.090.533.409**	**3.632.235.955**

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền vay	13.858.879.159	17.965.470.881
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.206.928.460	733.138.284
TỔNG CỘNG	**21.065.807.619**	**18.698.609.165**

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.031.279.242.985	720.304.930.035
Chi phí nhân công	55.497.512.326	51.728.492.205
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định *(Thuyết minh số 7, 8 và 9)*	84.446.111.259	64.823.090.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.131.381.851	133.592.534.432
Chi phí khác	19.292.087.644	16.488.433.682
TỔNG CỘNG	**1.343.646.336.065**	**986.937.480.536**

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") là 15%, áp dụng trong vòng 12 năm kể từ năm đi vào hoạt động (năm 2000) và mức thuế suất 25% cho các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 1 năm (năm 2009) và giảm 50% trong vòng 4 năm tiếp theo cho phần đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất mới vào năm 2008.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.1 *Thuế TNDN hiện hành* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần trước thuế	**95.240.618.641**	**96.760.682.747**
Điều chỉnh:		
Chi phí phải trả	(265.467.064)	(57.398.057)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(18.728.958)	(29.487.333)
Lãi chưa thực hiện của Chi nhánh	1.625.662.822	27.423.992
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.364.161.690	1.214.435.145
Thu nhập chịu thuế TNDN ước tính hiện hành	**97.946.247.1313**	**97.915.656.494**
Chi phí thuế TNDN ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính	13.400.176.094	14.297.132.447
Chi phí thuế TNDN ước tính cho hoạt động khác (25%)	7.031.831.882	4.874.280.066
TNDN được giảm theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC	-	(2.830.667.526)
Thuế TNDN hiện hành ước tính	**20.432.007.976**	**16.340.744.987**
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (được giảm) của năm trước	599.279.153	(3.490.862.535)
Chi phí thuế TNDN	**21.031.287.129**	**12.849.882.452**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	8.676.466.670	15.068.380.172
Thuế TNDN đã trả trong năm	(20.335.410.327)	(19.241.795.954)
Thuế TNDN phải trả cuối năm *(Thuyết minh số 13)*	**9.372.343.472**	**8.676.466.670**

20.2 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	656.158.618	339.219.089	316.939.529	6.855.999
Chi phí phải trả	324.020.277	434.571.626	(110.551.349)	165.218.942
Dự phòng trợ cấp thôi việc	77.731.931	93.013.979	(15.282.048)	32.782.491
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	86.040.691
	1.057.910.826	**866.804.694**		
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh			**191.106.132**	**290.898.123**

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*VNĐ* *Giá trị*
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	6.096.263.237
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	19.886.452.506

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	*VNĐ* *Năm trước*
Lương và các chi phí liên quan	621.000.000	594.000.000

Vào ngày kết thúc năm kế toán, khoản phải thu với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*VNĐ* *Giá trị*
Phải thu khách hàng *(Thuyết minh số 5)*			
Công ty TNHH P.A.N Châu Á	Bên liên quan	Bán hàng	1.014.563.657
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	Bên liên quan	Bán hàng	-
			1.014.563.657

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	*VNĐ* *Năm trước*
Lợi nhuận sau thuế trong năm	74.400.437.644	84.201.698.418
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông trong năm	31.057.594	31.065.106
Lãi trên cổ phiếu *(mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu)*	2.396	2.710

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm đã bao bao gồm cổ phiếu phát hành thêm chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm và giảm trừ cổ phiếu quỹ.

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được điều chỉnh tăng 4.051.093 cổ phiếu để phản ánh số cổ phiếu phát hành trong năm hiện hành từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành các báo cáo tài chính.

23. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	386.220.960	382.402.080
Từ 1 đến 5 năm	1.931.104.800	1.529.608.320
Trên 5 năm	16.827.215.288	17.530.800.648
TỔNG CỘNG	**19.144.541.048**	**19.442.811.048**

Các cam kết về đầu tư xây dựng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản cam kết 915.497.924 VNĐ (31 tháng 12 năm 2012: 1.428.840.849 VNĐ) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng cho Chi nhánh của Công ty tại Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt nam.

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, và tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường chịu bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi ngân hàng.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012.

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá giao dịch ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Độ nhạy với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ:

VNĐ

	Thay đổi tỷ giá Đô la Mỹ	*Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
	+2%	(9.237.509.575)
	-2%	9.237.509.575
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	+2%	(9.672.135.158)
	-2%	9.672.135.158

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty:

VNĐ

	Dưới 1 năm	*Từ 1 đến 5 năm*	*Tổng cộng*
31 tháng 12 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	71.091.246.144	216.006.903.840	287.098.149.984
Phải trả người bán	202.035.732.451	-	202.035.732.451
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	7.424.777.597	-	7.424.777.597
	280.551.756.192	**216.006.903.840**	**496.558.660.032**
31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	36.751.094.894	279.916.156.448	316.667.251.342
Phải trả người bán	192.008.783.325	-	192.008.783.325
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	6.520.523.613	-	6.520.523.613
	235.280.401.832	**279.916.156.448**	**515.196.558.280**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất của Công ty để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng *(Thuyết minh số 15)*. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị ghi sổ của các tài sản được dùng để thế chấp tương ứng là 480.221.684.155 VNĐ và 403.033.130.810 VNĐ. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

VNĐ

	Giá trị ghi sổ		*Giá trị hợp lý*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	93.088.227.929	80.013.643.680	93.088.227.929	80.013.643.680
Phải thu bên liên quan	1.014.563.657	3.402.280.085	1.014.563.657	3.402.280.085
Phải thu khác	2.010.128.252	412.343.262	2.010.128.252	412.343.262
Các tài sản tài chính khác	10.042.586.537	6.798.116.506	10.042.586.537	6.798.116.506
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.562.455.154	24.098.834.109	75.562.455.154	24.098.834.109
Tổng cộng	**181.717.961.529**	**114.725.217.642**	**181.717.961.529**	**114.725.217.642**
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	287.098.149.984	316.667.251.342	287.098.149.984	316.667.251.342
Phải trả người bán	202.035.732.451	192.008.783.325	202.035.732.451	192.008.783.325
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.424.777.597	6.520.523.613	7.424.777.597	6.520.523.613
Tổng cộng	**496.558.660.032**	**515.196.558.280**	**496.558.660.032**	**515.196.558.280**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia. ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này gần bằng với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

Lê Thị Mộng Tuyền	Phan Như Bích	Đặng Triệu Hóa
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014